

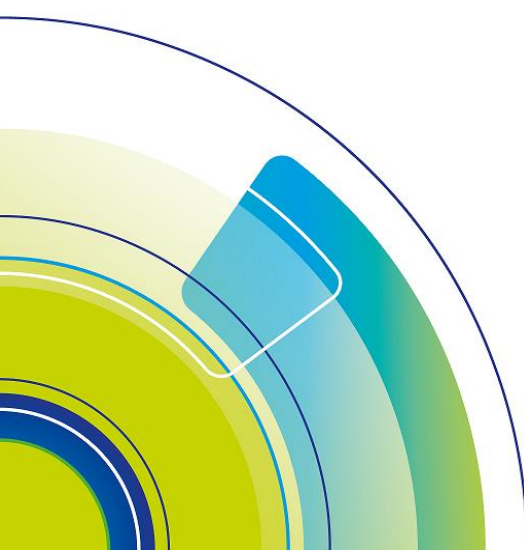


Cập nhật Vĩ mô T8/2023

Ngày 08/09/2023

Nguyễn Thị Hoà

CVPT – Vĩ mô



Nguyễn Thị Hòa

hoant@acbs.com.vn

Chỉ báo vĩ mô T8/2023

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	+2,6%
Khai khoáng	-6,2%
Chế biến, chế tạo	+3,5%
Sản xuất và phân phối điện	+3,7%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	+1,8%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	32.370
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	28.550
Cán cân thương mại (triệu USD)	3.820
FDI giải ngân (triệu USD)	1.520
FDI đăng ký (triệu USD)	1.907
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	+7,6%
CPI	+2,96%
CPI cơ bản	+4,02%

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ T8/2023

Nền kinh tế Việt Nam hồi phục rõ nét hơn trong tháng Tám trong bối cảnh nhu cầu trên thế giới đang cải thiện nhẹ khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại lần đầu tiên kể từ tháng Hai, theo đó chỉ số Quản lý thu mua (PMI) đã tăng lên 50,5 điểm trong tháng Tám lần đầu tiên sau năm tháng rớt dưới ngưỡng 50 điểm và chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2,9% m/m và tăng 2,6% y/y. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa cũng được cải thiện với xuất khẩu tăng 7,7% m/m và nhập khẩu tăng 5,7% m/m và tiếp tục đạt thặng dư cao với tổng thặng dư thương mại hàng hóa trong 8T2023 đạt 20,2 tỷ USD. Trong khi đó, hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong nước tiếp tục tăng trưởng ổn định, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,2 triệu lượt khách trong tháng Tám và đạt 7,8 triệu trong 8T2023, rất gần với mục tiêu đón 8 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2023 và phục hồi gần 70% so với trước đại dịch COVID-19. Dòng vốn quốc tế đến từ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng trưởng ổn định trong khi nguồn vốn giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh trong tháng Tám và đã đạt 49,4% kế hoạch được giao trong năm 2023. Chỉ số lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát với CPI bình quân 8T2023 tăng 3,1% mặc dù CPI tháng Tám tăng nhanh do giá xăng dầu, giá nhà ở và giá gạo tăng, tuy nhiên lạm phát cơ bản vẫn tiếp tục giảm.

Trên quan điểm thận trọng, **chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2023 của Việt Nam ở mức 5.2%**, thấp hơn mục tiêu 6.5% của Chính phủ và cao hơn trung bình của các nước ASEAN theo ước tính của ADB, chủ yếu nhờ các yếu tố sau:

- (1) Tăng trưởng của nhóm ngành dịch vụ trong nửa cuối năm khi các chính sách kích cầu như giảm thuế VAT 2% của Chính phủ phát huy tác dụng và tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động du lịch trong nước cũng như du khách quốc tế đến Việt Nam sau khi hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông được nâng cấp, và chính sách thuận lợi về thị thực và xuất nhập cảnh chính thức có hiệu lực từ 15/8/2023 có thể thúc đẩy lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong sáu tháng cuối năm.
- (2) Sự phục hồi của nhóm ngành Công nghiệp và xây dựng, trong đó ngành xây dựng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong quý III và quý IV, nhờ các chính sách nhằm đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ và mặt bằng lãi suất cho vay giảm mạnh cũng như động lực từ dòng vốn của khối doanh nghiệp FDI vốn duy trì mạnh mẽ từ đầu năm đến nay.

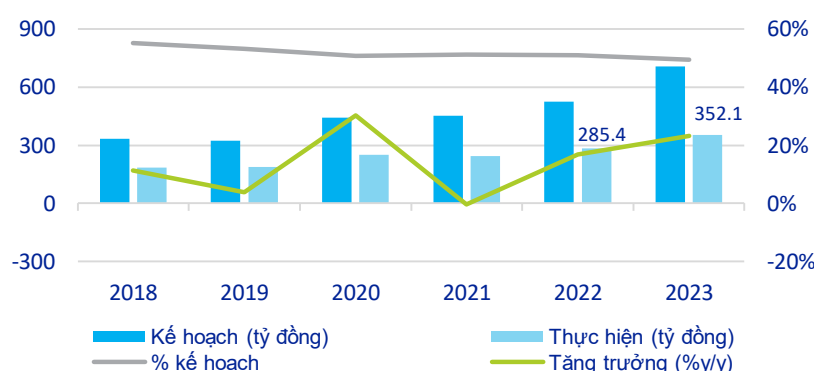
Chỉ số CPI đã tăng khá chậm trong suốt nửa đầu năm 2023 nhưng có một số yếu tố đang gây áp lực lên chỉ số CPI trong những tháng cuối năm như giá các mặt hàng xăng dầu, điện, giá gạo và các mặt hàng nông sản khác tăng, tuy nhiên chúng tôi cho rằng mức tăng không đáng kể và sẽ không kéo dài gây áp lực lên lạm phát, mức CPI thấp hiện nay đang tạo dư địa lớn cho các nhà điều hành kinh tế triển khai các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế. **Chúng tôi duy trì dự báo chỉ số CPI của Việt Nam năm 2023 sẽ tăng trong khoảng 3,1% - 4,5%, trong trường hợp kém lạc quan nhất khi giá xăng dầu và giá gạo tăng tốc trong những tháng còn lại của năm thì lạm phát vẫn đạt mục tiêu được kiểm soát ở mức 4,5% như kế hoạch của Chính phủ đặt ra cho năm 2023.**

Đầu tư công

Đầu tư công trong tháng Tám tiếp tục được đẩy mạnh với tổng số vốn giải ngân đạt 61,3 tỷ đồng, tăng 5,3% m/m và 30,1% y/y và đạt 49,4% kế hoạch được giao trong năm 2023.

Giải ngân đầu tư công đạt 61,3 nghìn tỷ đồng trong tháng Tám (+5,3% m/m, +30,1% y/y) và 352 nghìn tỷ đồng trong 8T2023 (+23,1% y/y). Mặc dù trong 8 tháng mới chỉ hoàn thành 49,4% kế hoạch được giao, thấp hơn mức bình quân 52,9% trong giai đoạn 2017-2022, nhưng tiến độ giải ngân đã tăng khá tốt qua từng tháng mặc dù cả nước đang bước vào mùa mưa bão vốn không thuận lợi cho các dự án cơ sở hạ tầng giao thông. Nhiều dự án gặp khó khăn do thiếu vốn, vật liệu đắp nền, giải phóng mặt bằng chậm, thủ tục phức tạp nhất là các dự án ODA, khó khăn trong đấu thầu dự án y tế và dự án chuyển đổi số.

Đầu tư công trong 8 tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng tốc độ giải ngân sẽ nhanh hơn trong thời gian còn lại của năm 2023 và trong năm 2024 nhờ các yếu tố vốn làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đang được khắc phục như tiến độ xử lý hồ sơ được cải thiện, đặc biệt là việc triển khai Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước, công tác phân bổ vốn được đẩy nhanh, tác động tích cực của các quy định mới đã được phê duyệt trong những tháng gần đây.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

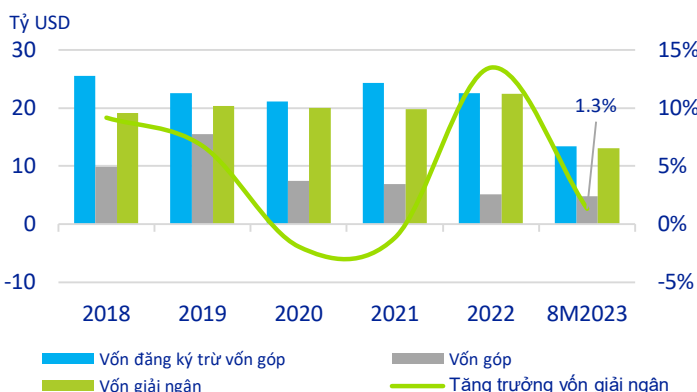
FDI giải ngân và FDI đăng ký vẫn tăng trưởng ổn định

Vốn giải ngân trong tháng Tám tăng trưởng ổn định, đạt 1,52 tỷ USD (-2,5% m/m, +23,6% y/y) và đạt 13,1 tỷ USD trong 8T2023 (+1,3%). Tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh vốn và góp vốn mua cổ phần trong tháng Tám đạt 1,9 tỷ USD (-32% m/m, +54,5% y/y) và đạt 18,1 tỷ USD trong 8T2023, tăng 8,2% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ tăng trưởng FDI vào các ngành Công nghiệp chế biến chế tạo (13 tỷ USD, +14,7% y/y), Tài chính-ngân hàng-bảo hiểm (1,54 tỷ USD, +63,7 lần y/y), Bán buôn bán lẻ (667 triệu USD, +42,5% y/y) và ngành Khoa học công nghệ (800 triệu USD, +28,9% y/y).

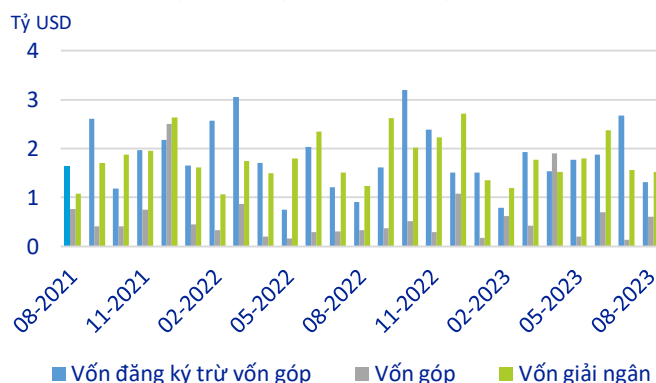
Trong 8T2023, có 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, trong đó dẫn đầu là Singapore (3,83 tỷ USD, -15%), tiếp theo là Trung Quốc (2,69 tỷ USD, +90,8%, dẫn đầu về số dự án mới), Nhật Bản (2,58 tỷ USD, +73,1%) và Hàn Quốc (dẫn đầu về vốn đăng ký tăng thêm và góp vốn mua cổ phần), Hồng Kông, Đài Loan.

Số lượng dự án mới trong 8T2023 tăng 69,5% y/y do quy mô các dự án đăng ký mới ít hơn so với các năm trước, chủ yếu đến từ các nhà đầu tư Trung Quốc. Số lượng dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng 22,8% và số lượt giao dịch góp vốn mua cổ phần giảm 6,5% so với cùng kỳ, dẫn đầu là các đối tác đến từ Hàn Quốc. Xét về số dự án thì TP.HCM là địa phương dẫn đầu về số lượng dự án mới, dự án điều chỉnh và số lượt giao dịch góp vốn mua cổ phần.

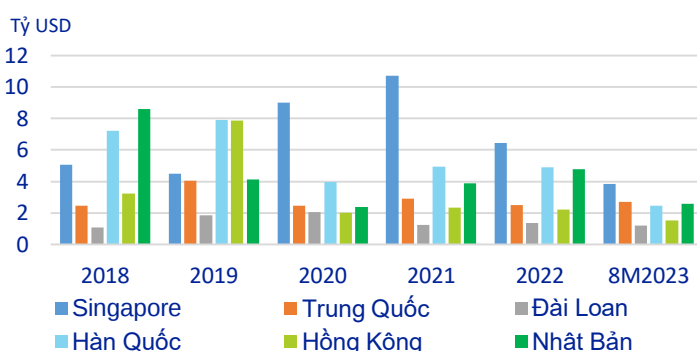
FDI theo năm



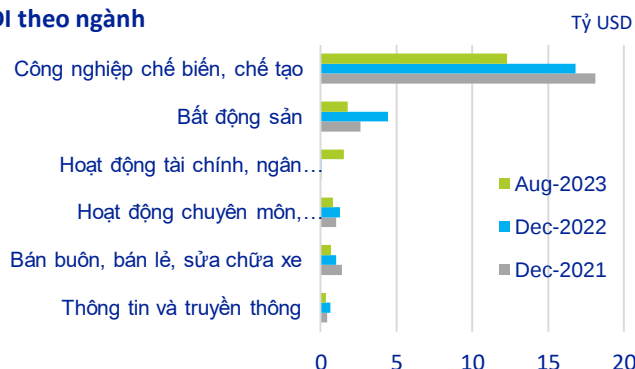
Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng



Các đối tác FDI lớn



FDI theo ngành



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NHẬN ĐỊNH:

Dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định trong bối cảnh Thuế tối thiểu toàn cầu (GMT) do Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) khởi xướng dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2024. Việt Nam hiện đang cân nhắc chính sách để ứng phó với GMT vốn đang là mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư nước ngoài có quy mô lớn khi đầu tư vào Việt Nam nhờ các chính sách ưu đãi thuế, theo đó dự kiến Việt Nam sẽ áp dụng GMT từ năm 2024, khi đó môi trường cạnh tranh về thuế sẽ phẳng hơn, giúp bổ sung nguồn thu ngân sách, tạo nguồn lực để Chính phủ đưa ra các gói giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Với lợi thế kinh tế ổn định, vị trí chiến lược giao thương quốc tế, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) và môi trường đầu tư ngày càng cải thiện, chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài và dòng vốn FDI sẽ tiếp tục ổn định trong phần còn lại của năm 2023 và sẽ trở nên mạnh mẽ hơn trong năm 2024 khi những điều kiện bất lợi trên toàn cầu lắng xuống.

Hoạt động sản xuất công nghiệp

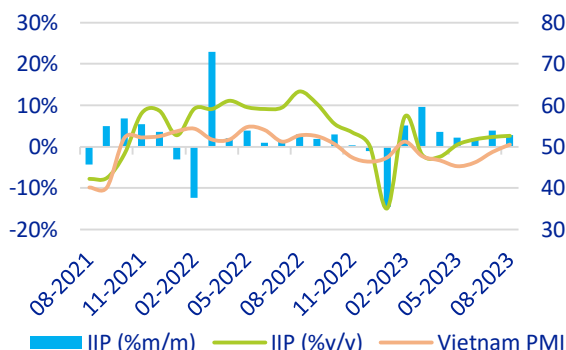
Hoạt động sản xuất công nghiệp trong tháng Tám tiếp tục diễn biến tích cực

Sản xuất công nghiệp trong tháng Tám tiếp tục tích cực với chỉ số IIP tăng 2,9% m/m và tăng 2,6% y/y. Trong đó, nhóm ngành Chế biến chế tạo tăng 3,5% y/y, Sản xuất và phân phối điện tăng 3,7% y/y, Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 1,8%, ngược lại nhóm ngành Khai khoáng giảm khá mạnh với mức giảm 6,2%. Các ngành quan trọng trong xuất khẩu như sản xuất kim loại, sản xuất giường tủ bàn ghế, dệt đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong tháng.

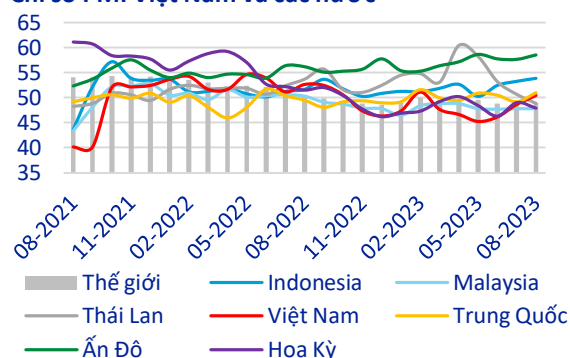
Tính chung 8T2023, chỉ số IIP đã thu hẹp mức giảm xuống 0,5% từ mức giảm 0,7% trong tháng trước. Một số sản phẩm chủ chốt có mức tăng cao như Đường kính (+34,9%), phân hỗn hợp N.P.K (+14,2%), xăng dầu (+10,1%), ti vi (+10%), vải dệt từ sợi nhân tạo (+8,6%), thép cán (+6,5%), ngược lại các sản phẩm giảm mạnh bao gồm ô tô (-20,4%), điện thoại di động (-17,7%), thép thanh thép góc (-15,5%), xe máy (-7,4%), quần áo thường (-5,8%), xi măng (-5,6%), linh kiện điện thoại (-4,7%).

Chỉ số lao động cũng được cải thiện tốt hơn so với tháng trước với số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/8/2023 tăng 0,9% m/m và giảm 2,9% y/y năm trước, trong đó lao động tại các doanh nghiệp FDI và ngoài nhà nước tăng nhẹ so với tháng trước trong khi lao động tại các doanh nghiệp nhà nước không đổi.

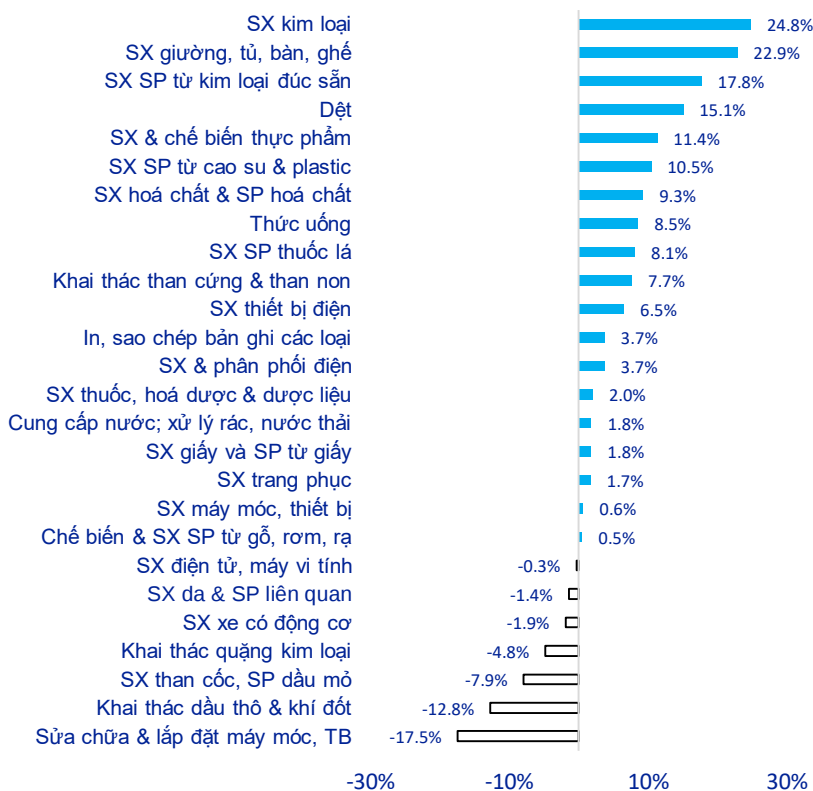
Chỉ số IIP và PMI của Việt Nam



Chỉ số PMI Việt Nam và các nước



Chỉ số IIP tháng 08/2023 theo ngành



Nguồn: Tổng cục thống kê, IHS Markit

Chỉ số PMI trong tháng Tám đã tăng lên 50,5 điểm sau năm tháng liên tiếp rớt dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy hoạt động sản xuất bắt đầu mở rộng khi có một số tín hiệu cho thấy nhu cầu đã bắt đầu phục hồi, các điều kiện kinh doanh tiếp tục được cải thiện với đơn đặt hàng mới tăng trở lại lần đầu tiên kể từ tháng Hai, sản lượng cũng tăng trở lại, tuy nhiên số lượng việc làm tiếp tục giảm nhẹ nhưng mức độ giảm yếu nhất trong thời gian gần đây.

Trên thế giới, chỉ số PMI toàn cầu cũng tăng nhẹ lên 49 điểm từ mức 48,7 trong tháng Bảy trong khi chỉ số PMI của ASEAN, các thị trường mới nổi và khu vực Châu Âu đều tăng trong tháng Tám. Tuy nhiên, PMI của Mỹ giảm về 47,9 từ mức 49 của tháng Bảy khi số đơn đặt hàng giảm mạnh làm cho sản lượng giảm và việc làm chỉ tăng nhẹ, trong khi áp lực lạm phát vẫn còn khá lớn.

NHẬN ĐỊNH:

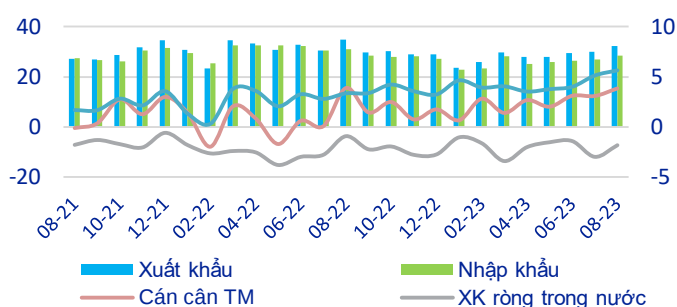
Hoạt động sản xuất công nghiệp đang tiếp tục xu hướng hồi phục và dần mở rộng khi số lượng đơn hàng mới bắt đầu tăng trở lại, tuy nhiên sự phục hồi vẫn còn yếu. Chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các tháng còn lại của năm 2023, chủ yếu nhờ việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công sẽ tạo động lực cho các ngành sản xuất có liên quan, đồng thời nhu cầu của các mặt hàng xuất khẩu sẽ tăng trở lại khi mùa mua sắm cuối năm đang đến gần và số lượng hàng tồn kho tại Mỹ và Châu Âu giảm mạnh.

Hoạt động xuất nhập khẩu

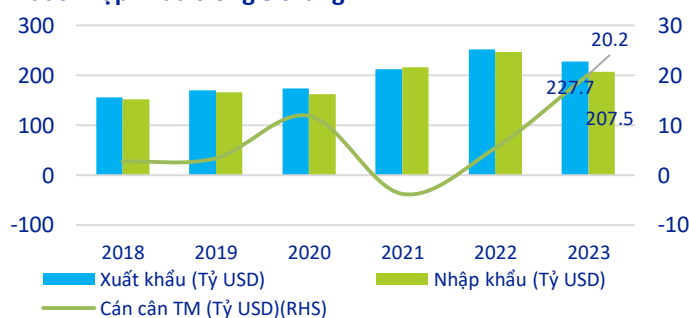
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cải thiện so với tháng trước và vẫn duy trì thặng dư

Ngoại thương tiếp tục cải thiện trong tháng Tám với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 61 tỷ USD (+6,7% m/m, - 7,7% y/y), trong đó xuất khẩu ghi nhận 32,4 tỷ USD (+7,7% m/m, - 7,6% y/y) với xuất khẩu sang thị trường ASEAN tăng so với cùng kỳ và xuất khẩu sang Mỹ giảm chậm hơn các tháng trước, xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 5,9% sau khi tăng liên tiếp trong ba tháng, nhập khẩu được ghi nhận ở mức 28,5 tỷ USD (+5,7% m/m, -8,3 % y/y) với nhập khẩu từ Mỹ và EU tiếp tục tăng trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc giảm chậm hơn tháng trước, thặng dư thương mại trong tháng Tám đạt 3,8 tỷ USD, cao nhất kể từ tháng Tám năm ngoái.

Xuất nhập khẩu hàng hóa theo tháng (USDbn)



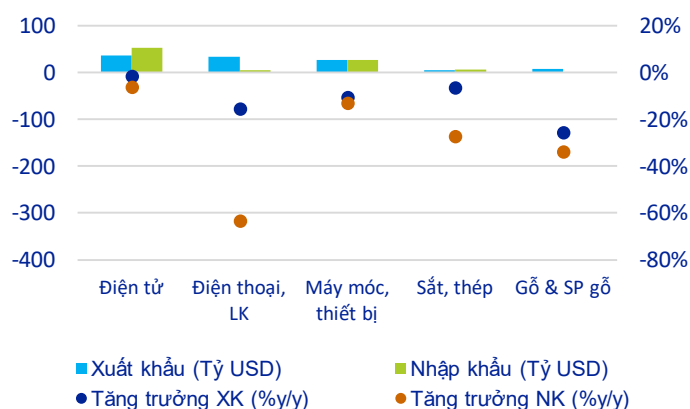
Xuất nhập khẩu trong 8 tháng



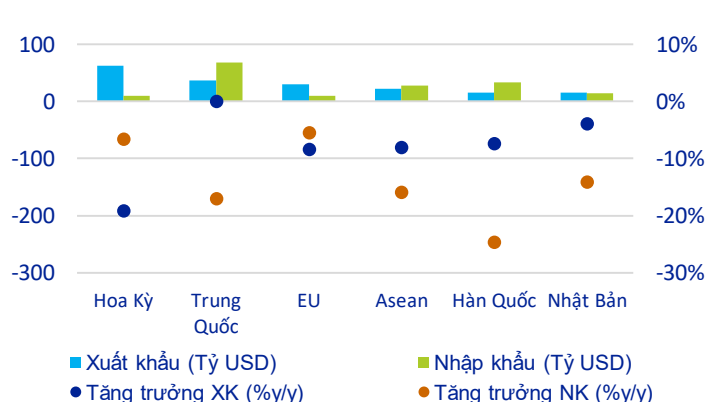
Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

Trong 8T2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giảm 12,9% y/y, trong đó xuất khẩu giảm 10% và nhập khẩu giảm 16,2%, cán cân thương mại đạt thặng dư 20,2 tỷ USD, khá cao so với các năm trước, trong đó khu vực FDI xuất siêu 34,2 tỷ USD và khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 14 tỷ USD. Xuất khẩu sang Trung Quốc chỉ còn tăng 0,1% trong 8T2023, trong khi các thị trường khác giảm vẫn giảm do tăng trưởng kinh tế chậm và nhu cầu yếu nhưng mức giảm đã chậm hơn các tháng trước. Xét theo mặt hàng, tăng trưởng xuất khẩu cao nhất trong 8T2023 là Rau quả (+59,3%), Gạo (37,3%), Phương tiện vận tải khác & phụ tùng (+15,3%). Trong nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt, Điện tử- máy tính- linh kiện và Điện thoại- linh kiện đã ghi nhận tốc độ giảm chậm hơn các tháng trước, nhóm Sắt-thép, Gỗ- sản phẩm gỗ cũng cải thiện đáng kể mặc dù vẫn còn giảm so với cùng kỳ.

Các mặt hàng chính trong 8M2023



Thị trường chính trong 8M2023



Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng tổng kim ngạch thương mại hàng hóa quốc tế sẽ tăng trong các tháng cuối năm nhờ tình hình kinh tế đang phục hồi trên thế giới và lạm phát hạ nhiệt, đặc biệt là Mỹ và Châu Âu khi mùa mua sắm cuối năm đang đến gần trong khi lượng hàng

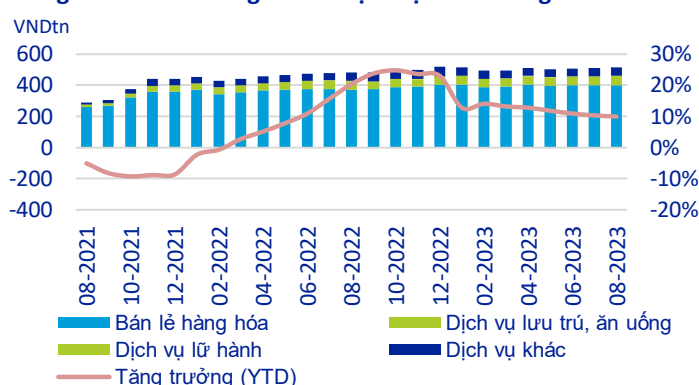
hóa tồn kho tại các quốc gia này đang giảm mạnh, kéo theo nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu tăng cao hơn các tháng trước. Ngoài ra, xuất khẩu các mặt hàng nông sản như gạo, rau quả dự kiến cũng tăng trong các tháng cuối năm khi nhu cầu tiêu thụ và dự trữ trên thế giới tăng trong khi sản lượng xuất khẩu tại các quốc gia khác giảm.

Hoạt động thương mại dịch vụ trong nước

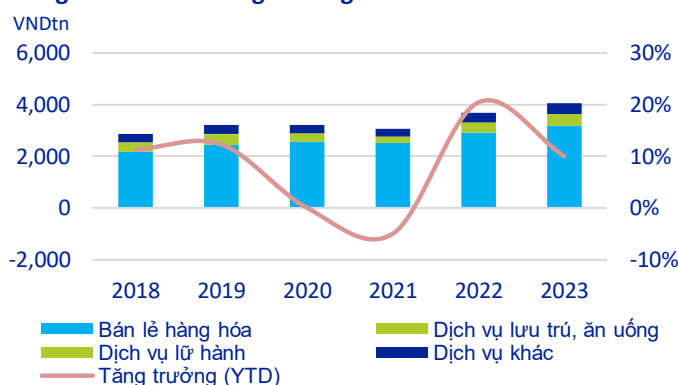
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiếp tục tăng trưởng ổn định

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám ước đạt 515 nghìn tỷ đồng (+0,9% m/m, +7,6% y/y), trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 7,5% y/y. Tính chung 8T2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 10% y/y, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm trước (ngoại trừ 2020 và 2021 do ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19), trong đó, doanh thu Bán lẻ tăng 8,7% (với mặt hàng tăng trưởng cao nhất là nhóm hàng lương thực và thực phẩm tăng 12,1%, văn hóa giáo dục hàng hóa tăng 11%, may mặc tăng 8,7%), doanh thu Dịch vụ Lưu trú ăn uống tăng 15,6%, Dịch vụ du lịch lữ hành tăng 47% và các dịch vụ khác tăng 12,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng



Tổng mức bán lẻ trong 8 tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê

Khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,2 triệu lượt (+17,2% m/m, +150,3% y/y) trong tháng Tám, trong đó khách đến từ Hàn Quốc và Nhật Bản tăng nhiều nhất so với tháng trước. Trong 8T2023, tổng lượng khách đạt 7,8 triệu lượt, rất gần với mục tiêu đón 8 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2023, gấp 4,4 lần so với cùng kỳ năm 2022 và phục hồi gần 70% so với tám tháng năm 2019 (trước dịch COVID-19). Du khách đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Đài Loan xếp đầu trong tổng du khách trong tám tháng đầu năm 2023.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi tăng tốc từ đầu năm 2022 do nền kinh tế phục hồi sau thời gian đóng cửa kéo dài do đại dịch COVID-19, doanh số bán lẻ đang chậm lại trong những tháng gần đây do chi tiêu tiết kiệm của người tiêu dùng khi nhu cầu mua sắm hậu COVID-19 đã bão hòa. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng doanh số bán lẻ trong thời gian còn lại của năm 2023 sẽ ổn định với mức tăng trưởng 1 con số nhờ tăng trưởng của du lịch nội địa cũng như khách quốc tế đến Việt Nam sẽ khởi sắc hơn nhờ hệ thống hạ tầng giao thông đang được nâng cấp. Biên giới với Trung Quốc mở cửa trở lại sau 3 năm phong tỏa để đối phó với COVID-19 sẽ giúp cải thiện giao thông vận tải và ngoại thương giữa Trung Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, các chính sách thuận lợi về thị thực và xuất nhập cảnh chính thức có hiệu lực từ ngày 15/8/2023 có thể thúc đẩy lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong những tháng tới.

Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát tăng nhanh do giá xăng dầu, giá nhà ở và giá gạo tăng, lạm phát cơ bản tiếp tục giảm

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Tám tăng 0,88% m/m, chủ yếu do đóng góp tăng của nhóm Giao thông (+3.85% m/m) khi giá xăng dầu tăng sau các đợt điều chỉnh giá trong nước và giá các dịch vụ giao thông công cộng tăng, nhóm Nhà ở và vật liệu xây

dụng (+0,85% m/m) do giá nhà ở thuê, giá nước, giá dầu hỏa và giá gas tăng trong khi giá điện giảm do nhu cầu giảm khi mùa mưa đến và vật liệu bảo dưỡng nhà giảm do giá thép giảm, nhóm Lương thực (+3,28% m/m) tăng do giá gạo trong nước tăng theo giá xuất khẩu.

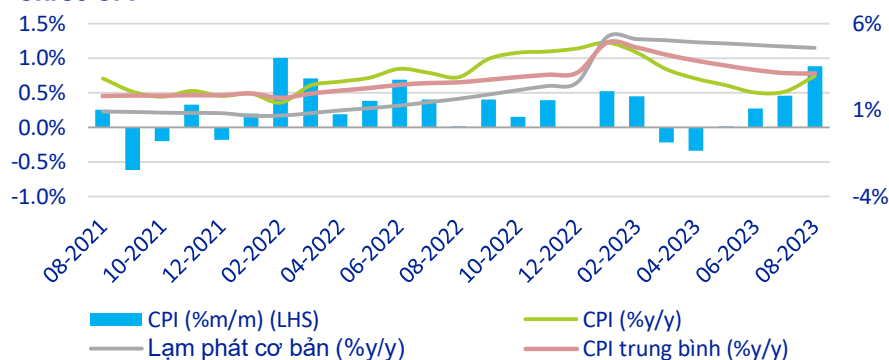
Giỏ hàng hóa tiêu dùng	Tỷ trọng (%)	8/2023 (% m/m)	8/2023 (% y/y)	Avg 8M2023 (% y/y)
CPI chung	100.0	0.88%	2.96%	3.10%
Hàng ăn & dịch vụ ăn uống	33.6	0.78%	2.31%	3.72%
Lương thực	3.7	3.28%	6.99%	4.17%
Thực phẩm	21.3	0.48%	0.94%	3.04%
Ăn uống ngoài gia đình	8.6	0.47%	3.77%	5.22%
Đồ uống & thuốc lá	2.7	0.28%	3.06%	3.54%
May mặc, mũ nón & giày dép	5.7	0.19%	2.03%	2.34%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18.8	0.85%	7.14%	6.65%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6.7	0.10%	1.83%	2.34%
Thuốc & dịch vụ y tế	5.4	0.03%	0.55%	0.61%
Giao thông	9.7	3.85%	-0.31%	-5.04%
Bưu chính viễn thông	3.1	-0.17%	-1.11%	-0.53%
Giáo dục	6.2	0.96%	5.05%	7.28%
Văn hoá, giải trí & du lịch	4.6	0.09%	1.35%	3.18%
Đồ dùng & dịch vụ khác	3.5	0.22%	5.89%	3.98%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Ghi chú: Màu xanh: tăng so với kỳ trước đó, Màu đỏ: giảm so với kỳ trước đó

So với cùng kỳ, chỉ số CPI tăng 2,96%, vẫn thấp hơn trung bình 3,08% của cùng kỳ 5 năm trước từ 2017-2022. Tính chung 8T2023, CPI tăng 3,1% và lạm phát cơ bản tăng 4,57%, tăng chậm hơn tháng Bảy và thấp hơn nhiều so với kế hoạch của Chính phủ là 4,5% cho năm 2023.

Chỉ số CPI



Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Chỉ số CPI đã tăng khá chậm trong suốt nửa đầu năm 2023 nhưng có một số yếu tố đang gây áp lực lên chỉ số CPI trong những tháng cuối năm như giá các mặt hàng xăng dầu, điện, giá gạo và các mặt hàng nông sản khác tăng, tuy nhiên chúng tôi cho rằng mức tăng không đáng kể và sẽ không kéo dài gây áp lực lên lạm phát, mức CPI thấp hiện nay đang tạo dư địa lớn cho các nhà điều hành kinh tế triển khai các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi duy trì dự báo chỉ số CPI của Việt Nam năm 2023 sẽ tăng trong khoảng 3,1% - 4,5%, trong trường hợp kém lạc quan nhất khi giá xăng dầu và giá gạo tăng tốc trong những tháng còn lại của năm thì lạm phát vẫn đạt mục tiêu được kiểm soát ở mức 4,5% như kế hoạch của Chính phủ đặt ra cho năm 2023.

Dữ liệu kinh tế - Việt Nam

Chỉ số hàng tháng	09-2022	10-2022	11-2022	12-2022	01-2023	02-2023	03-2023	04-2023	05-2023	06-2023	07-2023	08-2023
IIP (% y/y)	10.3%	5.5%	3.5%	0.2%	-14.9%	7.2%	-2.0%	-2.4%	0.5%	1.8%	2.3%	2.6%
Khai khoáng	14.9%	12.1%	16.8%	-5.1%	-13.0%	9.9%	-4.2%	-5.5%	2.9%	0.2%	-2.1%	-6.2%
Chế biến, chế tạo	9.6%	4.4%	2.3%	0.6%	-15.6%	6.8%	-2.5%	-2.8%	-0.9%	2.2%	2.6%	3.5%
Sản xuất & phân phối điện	16.4%	9.3%	2.7%	1.3%	-12.4%	8.3%	1.8%	2.3%	7.7%	-0.7%	3.8%	3.7%
Cung cấp nước, xử lý chất thải	9.1%	14.4%	7.0%	5.5%	-1.4%	7.1%	11.1%	8.1%	4.7%	5.7%	1.4%	1.8%
PMI	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5
Bán lẻ trong nước (% y/y)	58.2%	34.1%	13.5%	17.3%	12.8%	15.5%	11.5%	11.7%	8.1%	6.7%	7.1%	7.6%
CPI (% m/m)	0.4%	0.1%	0.4%	0.0%	0.5%	0.4%	-0.2%	-0.3%	0.0%	0.3%	0.5%	0.9%
CPI (% y/y)	3.9%	4.3%	4.4%	4.5%	4.9%	4.3%	3.4%	2.8%	2.4%	2.0%	2.1%	3.0%
Kim ngạch xuất khẩu (USDm)	29,817	30,369	29,020	29,029	23,611	26,052	29,709	27,864	28,040	29,449	30,068	32,370
Kim ngạch nhập khẩu (USDm)	28,388	27,903	28,277	27,292	22,955	23,253	28,322	25,208	26,035	26,362	27,001	28,550
Cán cân thương mại (USDm)	1,429	2,466	743	1,737	656	2,799	1,387	2,656	2,005	3,087	3,067	3,820
FDI giải ngân (USDm)	2,628	2,022	2,230	2,716	1,350	1,200	1,774	1,526	1,800	2,371	1,559	1,520
FDI đăng ký trừ vốn góp (USDm)	1,610	3,197	2,387	1,507	1,511	788	1,932	1,534	1,776	1,877	2,677	1,310

Chỉ số hàng quý	1Q-2021	2Q-2021	3Q-2021	4Q-2021	1Q-2022	2Q-2022	3Q-2022	4Q-2022	1Q-2023	2Q-2023
GDP (% y/y)	4.9%	6.6%	-6.0%	5.2%	5.1%	7.8%	13.7%	5.9%	3.3%	4.1%
Nông - lâm - ngư nghiệp	4.0%	4.1%	1.4%	3.6%	2.7%	3.1%	3.7%	3.9%	2.9%	3.2%
Công nghiệp & Xây dựng	6.0%	9.6%	-5.2%	5.0%	6.6%	8.7%	12.2%	4.2%	-0.4%	2.5%
Dịch vụ	4.4%	4.7%	-8.7%	5.9%	4.5%	8.9%	19.3%	8.1%	6.6%	6.1%
IIP (% y/y)	5.7%	12.4%	-5.0%	6.4%	6.8%	9.8%	10.9%	3.0%	-2.6%	0.2%
Bán lẻ trong nước (% y/y)	4.6%	4.1%	-28.3%	0.0%	5.0%	20.1%	41.2%	17.1%	13.2%	8.7%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	78.40	78.23	82.15	95.62	89.10	96.93	96.31	89.50	81.03	83.42
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	75.61	82.50	83.86	89.07	87.65	97.64	90.29	85.07	76.19	76.01
Cán cân thương mại (USDbn)	2.79	-4.27	-1.70	6.55	1.46	-0.72	6.02	4.44	4.84	7.41
FDI giải ngân (USDbn)	4.10	5.14	4.04	6.46	4.42	5.64	5.37	6.97	4.32	5.70
FDI đăng ký (USDbn)	9.33	4.34	5.26	5.34	7.28	4.48	3.71	7.09	4.23	5.19

Chỉ số hàng năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	YTD-2023
GDP	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%	2.9%	2.6%	8.0%	3.7%
Sản xuất công nghiệp	7.6%	9.8%	7.5%	9.4%	10.2%	9.1%	3.4%	4.8%	7.8%	-0.5%
Bán lẻ trong nước	10.6%	9.5%	10.2%	10.9%	11.7%	11.8%	2.6%	-3.8%	19.8%	10.0%
Chỉ số giá tiêu dùng	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%	3.2%	1.9%	3.1%	3.1%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	150.22	162.02	176.58	215.12	243.70	264.34	282.53	336.25	371.30	227.71
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	147.85	165.78	174.98	213.22	236.87	254.09	262.67	332.25	358.90	207.52
Cán cân thương mại (USDbn)	2.37	-3.76	1.60	1.90	6.83	10.25	19.86	4.00	12.40	20.19
FDI giải ngân (USDbn)	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10	20.38	19.98	19.74	1.61	13.10
FDI đăng ký (USDbn)	20.23	22.76	20.95	29.97	25.57	22.55	21.06	24.26	1.66	13.40

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TPHCM

Tel: (+84 28) 7300 1000

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Quyền Giám đốc Phòng Phân tích

Đỗ Minh Trang

(+84 28) 7300 7000 (x1041)

trangdm@acbs.com.vn

Giám đốc ngành Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 7300 7000 (x1043)

trucptt@acbs.com.vn

Giám đốc ngành Tài chính ngân hàng

Cao Việt Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1049)

hungcv@acbs.com.vn

Giám đốc ngành Bán lẻ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

chiltk@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000 (x1044)

hungpv@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung

(+84 28) 7300 7000 (x1045)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT – Năng lượng

Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)

toanpd@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô

Nguyễn Thị Hòa

(+84 28) 7300 7000 (x1050)

hoant@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)

huvvp@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 7300 6879 (x1083)

huongctk@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Anh Thư

(+84 28) 7300 6879 (x1095)

thulna@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung

(+84 28) 7300 6879 (x1084)

dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh

(+84 28) 7300 6879 (x1088)

huynhntn@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Hoàng Trọng Khôi

(+84 28) 7300 6879 (x1098)

khoiht.khdc@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Nguyễn Thục Dung

(+84 28) 7300 6879 (x1101)

dungnt@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2023). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.